

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 332/2025/DS-PT
Ngày 19-6-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 148/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C. Địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Hữu Vĩnh T - Phó Giám đốc Chi nhánh B1.
- Ông Nguyễn Lê D - Phó phòng Tổ chức tổng hợp Chi nhánh B1.
- Ông Lê Tiến Đ - Phó phòng Tổ chức tổng hợp Chi nhánh B1.
- Bà Phạm Thị Mỹ P - Phó phụ trách Phòng G.

- Bị đơn:

- Ông Võ Thanh K, sinh năm 1978.

2. Bà Đỗ Thị Kim T1, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ cư trú: Số A, Lô C, thị trấn H, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Ông Võ Thanh K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP C là bà Phạm Thị Mỹ P, ông Nguyễn Lê D trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm có nội dung như sau:

Ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 vay vốn 05 khoản tại Ngân hàng T2 Chi nhánh B1 (viết tắt là V), cụ thể:

Khoản vay thứ nhất: Hợp đồng cho vay số 19100248/2019-HĐCV/NHCT ngày 30/7/2019: Số tiền cho vay 1.000.000.000 đồng; Thời hạn vay 240 tháng (đến ngày 11/7/2039); Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ; Mục đích vay: Thanh toán tiền ứng vốn thuộc chủ sở hữu để thanh toán chi phí mua thửa đất số 68, tờ bản đồ số 17, tọa lạc ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Long An, nhằm mục đích phục vụ nhu cầu đời sống. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 30/7/2019. Tính đến ngày 18/02/2025, ông K và bà T1 còn nợ gốc là 771.200.000 đồng; lãi trong hạn là 85.668.638 đồng, lãi quá hạn là 1.326.413 đồng.

Khoản vay thứ hai: Hợp đồng cho vay số 19100246/2019-HĐCV/NHCT04, ngày 27/11/2019: Số tiền cho vay là 1.000.000.000 đồng; Thời hạn vay 240 tháng (đến ngày 25/11/2039); Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ, Mục đích vay: Thanh toán tiền ứng vốn thuộc chủ sở hữu để thanh toán chi phí mua thửa đất số 317, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An, nhằm mục đích phục vụ nhu cầu đời sống. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 03/12/2019. Tính đến ngày 18/02/2025, ông K và bà T1 còn nợ gốc 787.840.000 đồng; lãi trong hạn là 84.928.920 đồng, lãi quá hạn 1.212.953 đồng.

Khoản vay thứ ba: Hợp đồng cho vay hạn mức số 20220274/2022-HĐCVHM/NHCT704 ngày 11/7/2022: Hạn mức cho vay 2.500.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 11/7/2022 đến ngày 11/7/2023; Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn Lãi suất cụ thể trên từng giấy nhận nợ; Thời hạn cho vay 12 tháng/Giấy nhận nợ; Mục đích bổ sung vốn mua bán lúa, gạo và nếp. Ngân hàng đã giải ngân 03 lần vào ngày 05/7/2023 là 785.000.000 đồng, ngày 07/7/2023 là 715.000.000 đồng, ngày 10/7/2023 là 1.000.000.000 đồng. Tính đến ngày 18/02/2025, ông K và bà T1 còn nợ của từng khoản vay: Tiền gốc 785.000.000 đồng; lãi trong hạn 75.392.231 đồng, lãi quá hạn 23.291.918 đồng; Tiền gốc 715.000.000 đồng, lãi trong hạn 68.669.384 đồng, lãi quá hạn 20.935.788 đồng;

Tiền gốc 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 96.041.096 đồng, lãi quá hạn 29.020.548 đồng.

Khoản vay thứ tư: Hợp đồng cho vay hạn mức số 20230447/2023-HĐCVHM/NHCT704 ngày 07/11/2023: Hạn mức cho vay 2.800.000.000 đồng bao gồm dư nợ Hợp đồng cho vay hạn mức số 20220274/2022-HĐCVHM/NHCT704 ngày 11/7/2022. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 07/11/2023 đến ngày 06/11/2024; Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150/% lãi suất trong hạn, Lãi suất cụ thể trên từng giấy nhận nợ; Thời hạn cho vay 12 tháng/Giấy nhận nợ; Mục đích bổ sung vốn mua bán lúa, gạo và nếp. Ngân hàng đã giải ngân ngày 09/11/2023 số tiền là 300.000.000 đồng. Đến ngày 18/02/2025, ông K và bà T1 còn nợ gốc là 300.000.000 đồng, lãi trong hạn là 21.230.137 đồng, lãi quá hạn là 2.934.247 đồng.

Khoản vay thứ năm: Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 10XH/2022 ngày 14/10/2022: Hạn mức thẻ là 250.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất thẻ tín dụng là 18,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn sử dụng thẻ không quá 60 tháng, tỷ lệ thanh toán tối thiểu là 2% số dư cuối kỳ, phí rút tiền mặt từ thẻ tín dụng là 4%/ số dư rút tiền mặt và tối thiểu là 55.000 đồng/lần. Đồng thời khi rút tiền mặt, phí và lãi suất 18,8% sẽ tính ngay từ thời điểm rút tiền. Thực hiện quan hệ tín dụng, ông Võ Thanh K đã sử dụng thẻ tín dụng và tạm tính đến ngày 18/02/2025 tổng dư nợ là 303.409.603 đồng, bao gồm: Dư nợ gốc thẻ: 250.000.000 đồng; Dư nợ lãi thẻ: 53.409.603 đồng.

Bảo đảm cho các khoản vay trên là các bất động sản thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 theo các Hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18100046/2018/HĐBĐ/NHCT704 ngày 08/02/2018 (số công chứng 940, quyền số 01/2018 TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 08/02/2018) và 03 Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất [số 18100046/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-1 ngày 27/11/2019 (số công chứng 7901, quyền số 01/2019 TP/CC-SCC/HĐGD); Văn bản số 18100046/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-2 ngày 04/7/2022 (số công chứng 4524, quyền số 7/2022TP/CC-SCC/HĐGD) và Văn bản số 18100046/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-3 ngày 07/11/2023 (số công chứng 5523, quyền số 11/2023TP/CC-SCC/HĐGD)]. Đối với:

Tài sản thế chấp 1: Quyền sử dụng đất thửa số 1791, tờ bản đồ số 2, tọa lạc khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI403933, số vào sổ cấp GCN: CS03079 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp ngày 04/7/2017).

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18100238/2018/HĐBĐ/NHCT704 ngày 12/4/2018 (số công chứng 2279, quyền số 01/2018TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 12/4/2018) và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18100238/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-1 ngày 04/7/2022 (số công chứng 4525, quyền số 7/2022TP/CC-SCC/HĐGD). Đối với:

Tài sản thế chấp 2: Quyền sử dụng đất thửa số 14, tờ bản đồ số 2-7, tọa lạc xã A, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK686402, sổ vào sổ cấp GCN: H00772 do UBND thị xã T, tỉnh Long An cấp ngày 12/9/2007).

Tài sản thế chấp 3: Quyền sử dụng đất thửa số 21, tờ bản đồ số 2-7, xã A, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK686403, sổ vào sổ cấp GCN: H00771 do UBND thị xã T, tỉnh Long An cấp ngày 12/9/2007).

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18100240/2018/HĐBĐ/NHCT704 ngày 12/4/2018 (số công chứng 2280, quyền số 01/2018 TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 13/4/2018) và 02 Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (số 18100240/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-1 ngày 27/11/2019 (số công chứng 7900, quyền số 01/2019 TP/CC-SCC/HĐGD) và số 18100240/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-2 ngày 04/7/2022 (số công chứng 4523, quyền số 7/2022TP/CC-SCC/HĐGD). Đối với:

Tài sản thế chấp 4: Quyền sử dụng đất thửa số 246, tờ bản đồ số 2, tọa lạc xã T, huyện V, tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BV 385978, sổ vào sổ cấp GCN: CH01195/CN do UBND huyện V, tỉnh Long An cấp ngày 17/11/2014).

Tài sản thế chấp 5: Quyền sử dụng đất thửa số 56, tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã T, huyện V, tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BV 385979, sổ vào sổ cấp GCN: CH01194/CN do UBND huyện V, tỉnh Long An cấp ngày 17/11/2014).

Tài sản thế chấp 6: gồm 02 Quyền sử dụng đất thửa số 221 và thửa đất số 175, cùng tờ bản đồ số 2, tọa lạc xã T, huyện V, tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CC 725662, sổ vào sổ cấp GCN: CS01427 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 26/01/2016).

Tính đến ngày 18/02/2025, ông K và bà T1 còn nợ tổng cộng 5.173.101.876 đồng gồm: Tiền gốc là 4.609.040.000 đồng, tiền lãi là 564.061.876 đồng (gồm lãi trong hạn là 431.930.406 đồng, lãi quá hạn là 132.131.470 đồng.)

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K và bà T1 phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí, chi phí phát sinh là 5.173.101.876 đồng.

Kể từ ngày 19/02/2025, ông K và bà T1 còn phải trả các khoản lãi, phí, chi phí phát sinh cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng cho vay nêu trên.

Trường hợp ông K, bà T1 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế, xử lý, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên để thi hành án. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho ông K và bà T1 đối với Ngân hàng không đủ thì ông K và bà T1 vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

Tiếp tục thực hiện các Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa Ngân hàng với ông K và bà T1 để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn ông Võ Thanh K trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm có nội dung như sau:

Ông thừa nhận ông và vợ là bà Đỗ Thị Kim T1 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 4.609.040.000 đồng như Ngân hàng trình bày. Nay do không bán được tài sản nên ông không thanh toán được nợ. Về lãi suất là 564.061.876 đồng (gồm lãi trong hạn là 431.930.406 đồng, lãi quá hạn là 132.131.470 đồng) ông yêu cầu Ngân hàng bỏ lãi suất cho vợ chồng ông. Việc vay tiền của Ngân hàng không liên quan đến người thứ ba nào khác.

Bị đơn bà Đỗ Thị Kim T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có văn bản ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của Ngân hàng, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C đối với ông Võ Thanh K, bà Đỗ Thị Kim T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí phát sinh tính đến ngày 18/02/2025 là 5.173.101.876 đồng (gồm tiền gốc là 4.609.040.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 431.930.406 đồng, lãi quá hạn là 132.131.470 đồng).

2. Kể từ ngày 19/02/2025, ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 còn phải liên đới trả các khoản lãi, chi phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng TMCP C theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay, Phụ lục hợp đồng đã ký giữa hai bên.

3. Trường hợp ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, xử lý, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ gồm:

Quyền sử dụng đất thửa số 1791, tờ bản đồ số 2, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI403933, số vào sổ cấp GCN: CS03079 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp ngày 04/7/2017).

Quyền sử dụng đất thửa số 14, tờ bản đồ số 2-7, xã A, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK686402, số vào sổ cấp GCN: H00772 do UBND thị xã T cấp ngày 12/9/2007).

Quyền sử dụng đất thửa số 21, tờ bản đồ số 2-7, xã A, thị xã T, (nay là thành phố T), tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK686403, số vào sổ cấp GCN: H00771 do UBND thị xã T cấp ngày 12/9/2007).

Quyền sử dụng đất thửa số 246, tờ bản đồ số 2, xã T, huyện V, tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BV 385978, số vào sổ cấp GCN: CH01195/CN do UBND huyện V cấp ngày 17/11/2014).

Quyền sử dụng đất thửa số 56, tờ bản đồ số 4, xã T, huyện V, tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BV 385979, số vào sổ cấp GCN: CH01194/CN do UBND huyện V cấp ngày 17/11/2014).

Quyền sử dụng đất thửa số 221 và thửa đất số 175, cùng tờ bản đồ số 2, xã T, huyện V, tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CC 725662, số vào sổ cấp GCN: CS01427 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 26/01/2016).

4. Trường hợp tài sản bảo đảm phát mãi không đủ để thu hồi các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP C thì ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 còn phải tiếp tục liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP C.

5. Tiếp tục thực hiện các Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng TMCP C với ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 để đảm bảo thi hành án:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18100046/2018/HĐBĐ/NHCT704 ngày 08/02/2018 và 03 Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất [số 18100046/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-1 ngày 27/11/2019; Văn bản số 18100046/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-2 ngày 04/7/2022 và Văn bản số 18100046/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-3 ngày 07/11/2023.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18100238/2018/HĐBĐ/NHCT704 ngày 12/4/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18100238/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-1 ngày 04/7/2022.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18100240/2018/HĐBĐ/NHCT704 ngày 12/4/2018 và 02 Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (số 18100240/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-1 ngày 27/11/2019 và Văn bản số 18100240/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-2 ngày 04/7/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; nghĩa vụ chấp hành án; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 04/3/2025, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa nhận được đơn kháng cáo của ông Võ Thanh K là bị đơn, kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa lại phần lãi đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn xác định lại yêu cầu kháng cáo là đề nghị ngân hàng miễn tiền lãi cho ông K, bà T1. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Võ Thanh K trình bày: Ông K, bà T1 trong quá trình vay trước đây có trả lãi đúng hạn và đầy đủ. Tuy nhiên sau này kinh tế gặp khó khăn nên không trả đúng hạn. Nay đề nghị ngân hàng cho được miễn lãi do kinh tế khó khăn không trả được.

Người đại diện của nguyên đơn là bà Phạm Thị Mỹ P trình bày: Ngân hàng và ông K, bà T1 có thỏa thuận tính lãi quá hạn 150% trong trường hợp ông K, bà T1 nợ quá hạn. Do đó, ngân hàng không đồng ý với yêu cầu miễn lãi của ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng TMCP C với ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 thỏa thuận là tự nguyện và đúng quy định của pháp luật. Ông K kháng cáo yêu cầu được miễn trả tiền lãi nhưng không được ngân hàng đồng ý. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Mức lãi suất cho vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo các hợp đồng gồm: Hợp đồng cho vay số 19100248/2019-HĐCV/NHCT ngày 30/7/2019, Hợp đồng cho vay số 19100246/2019-HĐCV/NHCT04 ngày 27/11/2019, Hợp đồng cho vay hạn mức số 20220274/2022-HĐCVHM/NHCT704 ngày 11/7/2022 giữa V và ông K, bà T1 là do các bên tự nguyện thỏa thuận và phù hợp với Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông K, bà T1 thanh toán cho V nợ gốc, nợ lãi và lãi chậm trả tính đến ngày 18/02/2025 là 5.173.101.876 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/02/2025 cho đến khi thanh toán xong là hoàn toàn đúng quy định. Ông K đề nghị V miễn số tiền nợ lãi quá hạn do ông K gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên V không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông K.

[5] Từ nhận định trên, ông Võ Thanh K kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Thanh K phải chịu 300.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Thanh K.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 157 và 483 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 90, 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia

định; các Điều 26 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C đối với ông Võ Thanh K, bà Đỗ Thị Kim T1 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

- Buộc ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí phát sinh tính đến ngày 18/02/2025 là 5.173.101.876 đồng (gồm tiền gốc là 4.609.040.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 431.930.406 đồng, lãi quá hạn là 132.131.470 đồng.)

- Kể từ ngày 19/02/2025, ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 còn phải liên đới trả các khoản lãi, chi phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng TMCP C theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay, Phụ lục hợp đồng đã ký giữa hai bên.

- Trường hợp ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, xử lý, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ gồm:

Quyền sử dụng đất thửa số 1791, tờ bản đồ số 2, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI403933, số vào sổ cấp GCN: CS03079 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp ngày 04/7/2017).

Quyền sử dụng đất thửa số 14, tờ bản đồ số 2-7, xã A, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK686402, số vào sổ cấp GCN: H00772 do UBND thị xã T cấp ngày 12/9/2007).

Quyền sử dụng đất thửa số 21, tờ bản đồ số 2-7, xã A, thị xã T, (nay là thành phố T), tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK686403, số vào sổ cấp GCN: H00771 do UBND thị xã T cấp ngày 12/9/2007).

Quyền sử dụng đất thửa số 246, tờ bản đồ số 2, xã T, huyện V, tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 385978, số vào sổ cấp GCN: CH01195/CN do UBND huyện V cấp ngày 17/11/2014).

Quyền sử dụng đất thửa số 56, tờ bản đồ số 4, xã T, huyện V, tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 385979, số vào sổ cấp GCN: CH01194/CN do UBND huyện V cấp ngày 17/11/2014).

Quyền sử dụng đất thửa số 221 và thửa đất số 175, cùng tờ bản đồ số 2, xã T, huyện V, tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 725662, số vào sổ cấp GCN: CS01427 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 26/01/2016).

- Trường hợp tài sản bảo đảm phát mãi không đủ để thu hồi các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP C thì ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 còn phải tiếp tục liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP C.

- Tiếp tục thực hiện các Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng TMCP C với ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 để đảm bảo thi hành án:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18100046/2018/HĐBĐ/NHCT704 ngày 08/02/2018 và 03 Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất [số 18100046/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-1 ngày 27/11/2019; Văn bản số 18100046/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-2 ngày 04/7/2022 và Văn bản số 18100046/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-3 ngày 07/11/2023.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18100238/2018/HĐBĐ/NHCT704 ngày 12/4/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18100238/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-1 ngày 04/7/2022.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18100240/2018/HĐBĐ/NHCT704 ngày 12/4/2018 và 02 Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (số 18100240/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-1 ngày 27/11/2019 và Văn bản số 18100240/2018/HĐBĐ/NHCT704-VBSĐBSL-2 ngày 04/7/2022.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.700.000 đồng: Ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 phải chịu. Ngân hàng TMCP C đã tạm ứng trước nên ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền 5.700.000 đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP C có đơn yêu cầu thi hành án, thì ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 phải liên đới chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Võ Thanh K và bà Đỗ Thị Kim T1 phải liên đới chịu 113.173.102 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C 56.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009321, ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Thanh K phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009561 ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc